

PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN HỆ SINH THÁI TRONG BẢO TỒN, KHAI THÁC TÀI NGUYÊN SINH VẬT BIỂN VÀ GỢI MỞ CHO VIỆT NAM

NGUYỄN THẾ LỰC*

Phương pháp tiếp cận hệ sinh thái trong bảo tồn tài nguyên sinh vật biển là một trong những phương pháp đã được đề cập nhiều trong các vấn đề quản lý và bảo tồn biển trên thế giới. Dưới góc độ pháp luật, phương pháp tiếp cận hệ sinh thái cũng đã được đưa vào để áp dụng khá rộng rãi trong các điều ước quốc tế cũng như pháp luật của các quốc gia. Bài viết phân tích, đánh giá những lợi ích cốt lõi và triển vọng áp dụng cách tiếp cận hệ sinh thái trong bảo tồn tài nguyên sinh vật biển trên thế giới và những gợi mở cho Việt Nam.

Từ khóa: Tiếp cận hệ sinh thái; bảo tồn; tài nguyên sinh vật biển; khai thác; pháp luật; Việt Nam.

The ecosystem approach to marine biological resource conservation has been widely discussed in global marine management and conservation issues. From a legal perspective, this approach has been incorporated into numerous international agreements as well as national legal frameworks. The article analyzes and evaluates the core benefits and potential applications of the ecosystem approach in marine biological resource conservation worldwide, thereby offering insights for Vietnam.

Keywords: Ecosystem approach; conservation; marine biological resources; exploitation; laws; Vietnam.

NGÀY NHẬN: 16/11/2024

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 28/12/2024

NGÀY DUYỆT: 14/02/2025

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.349.2025.1098>

1. Đặt vấn đề

Phương pháp tiếp cận hệ sinh thái trong bảo tồn, quản lý tài nguyên sinh vật biển bắt nguồn từ việc quản lý các nguồn tài nguyên sinh vật biển một cách hiệu quả dựa trên cơ sở của việc thích ứng với môi trường. Cùng với quá trình phát triển của luật biển quốc tế cũng như tương ứng với pháp luật biển của mỗi quốc gia ven biển trên thế giới, phương pháp tiếp cận theo vùng (the Zonal Management Approach) và phương pháp

tiếp cận theo loài cụ thể (the Species Specific Approach) đã bộc lộ những hạn chế trong quá trình quản lý, bảo tồn tài nguyên sinh vật biển.

Để khắc phục tình trạng này, các nhà quản trị và các nhà khoa học biển đã đưa ra những cách tiếp cận mới để khắc phục hạn chế của cách tiếp cận truyền thống trong quản lý, bảo tồn tài nguyên sinh vật biển.

* ThS, Học viện Hải quân

Một trong những cách tiếp cận dành được sự quan tâm nhiều nhất cho đến hiện tại đó là cách tiếp cận hệ sinh thái (the Ecosystem Approach).

2. Khái lược về phương pháp tiếp cận hệ sinh thái

Phương pháp tiếp cận hệ sinh thái trong bảo tồn có thể được tìm thấy từ đầu thế kỷ XX¹. Mục đích tổng thể của cách tiếp cận hệ sinh thái có thể được coi là bắt nguồn từ quản lý và quản trị thích ứng với môi trường. Trong Bộ quy tắc ứng xử của FAO về trách nhiệm nghề cá 1995 có đề cập đến cách tiếp cận hệ sinh thái. Tuyên bố Reykjavik năm 2001 về nghề cá có trách nhiệm trong hệ sinh thái biển cũng nêu cách tiếp cận hệ sinh thái. Tham vấn chuyên gia của FAO về quản lý nghề cá dựa vào hệ sinh thái đã định nghĩa cách tiếp cận này như sau: “Cách tiếp cận hệ sinh thái đối với nghề cá là cố gắng cân bằng các mục tiêu xã hội đa dạng, bằng cách tính đến kiến thức và sự không chắc chắn về các thành phần sinh học, phi sinh học và con người của hệ sinh thái cũng như sự tương tác của chúng và áp dụng cách tiếp cận tổng hợp đối với nghề cá trong các ranh giới có ý nghĩa sinh thái”².

Tuy vậy, dưới góc độ pháp lý trong các điều ước quốc tế thì cách tiếp cận hệ sinh thái lần đầu tiên được đề cập ở Công ước về bảo tồn tài nguyên sinh vật biển ở Nam cực - the Convention on the Conservation of Antarctic Marine Living Resources (CCAMLR), ký kết năm 1980 và có hiệu lực năm 1982. Sau đó cách tiếp cận hệ sinh thái trong bảo tồn tài nguyên sinh vật biển được làm rõ hơn trong Công ước về Đa dạng Sinh học 1992 - Convention on Biological Diversity (CBD), Thỏa thuận của Liên hiệp quốc về nghề cá 1995 - UN Fish Stock Agreement (UNFSA). Công ước Đa dạng Sinh học nêu khái niệm cách tiếp cận hệ sinh thái, như sau: “một chiến lược quản lý tổng hợp tài nguyên đất, nước và sinh vật nhằm thúc đẩy bảo tồn và sử dụng bền vững một cách công bằng”³.

3. Thực tiễn triển khai và áp dụng cách tiếp cận hệ sinh thái trong bảo tồn, quản lý tài nguyên sinh vật biển trên thế giới

Trong thực tiễn việc áp dụng cách tiếp cận hệ sinh thái vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau. Dưới đây là những trường hợp cụ thể về áp dụng cách tiếp cận hệ sinh thái trong bảo tồn và quản lý tài nguyên sinh vật biển ở một số quốc gia tiêu biểu cũng như các khu vực biển trên thế giới.

Một là, cách tiếp cận hệ sinh thái làm cơ sở cho tuân thủ quản lý, thực tiễn ở biển Baltic.

Tuân thủ quản lý là một khái niệm đã được đưa ra trong luật quốc tế từ những năm 90 thế kỷ XX, tiêu biểu là Công ước Viên về Luật Điều ước quốc tế 1969 - the 1969 Vienna Convention on the law of treaties, theo đó các quốc gia có nghĩa vụ tuân thủ các thỏa thuận quốc tế đã ký kết. Vào đầu năm 2000 và những năm tiếp theo, cách tiếp cận hệ sinh thái đã được giới thiệu cùng với các thay đổi chung trong cấu trúc quy định đối với môi trường biển Baltic. Cùng với khung pháp lý châu Âu ban hành về quản lý biển the EU Marine Strategy Framework Directive - Chỉ thị khung chiến lược biển châu Âu; Công ước Helsinki về bảo vệ môi trường biển của khu vực biển Baltic 1992 hình thành nên mục tiêu duy trì tình trạng môi trường tốt ở biển Baltic. Thông qua cách tiếp cận hệ sinh thái và mục tiêu duy trì tình trạng môi trường tốt này, các quy định về cách tiếp cận hệ sinh thái luôn được các thỏa thuận quốc tế hướng đến như một phương pháp hữu ích trong bảo tồn và bảo vệ môi trường được bảo đảm tuân thủ ở biển Baltic.

Nhìn chung, cách tiếp cận hệ sinh thái đã được đề cập ở các điều ước quốc tế trong bảo vệ môi trường biển Baltic. Những tác động của cách tiếp cận hệ sinh thái đối với công tác bảo tồn tài nguyên sinh vật biển là hữu ích và khắc phục được những nhược điểm vốn có của các cách tiếp cận truyền thống.

Cách tiếp cận hệ sinh thái cũng được cho là hiệu quả trong lĩnh vực quản trị môi trường nói chung và được cộng đồng châu Âu thừa nhận đưa vào trong các khung pháp lý.

Tuy nhiên, ở chừng mực nào đó về áp dụng cách tiếp cận hệ sinh thái trong bảo tồn tài nguyên sinh vật biển cũng cho thấy, còn có sự manh mún trong quá trình áp dụng cách tiếp cận hệ sinh thái trong bảo tồn tài nguyên sinh vật biển ở một số quốc gia⁴.

Hai là, cách tiếp cận hệ sinh thái trong phân định biển và quản lý biển ở châu Âu.

Theo tác giả Aron Westholm 2019, với bài “Delimiting Marine Areas: Ecosystem Approach(es?) in EU Marine Management - Phân định các vùng biển: Tiếp cận hệ sinh thái trong quản lý biển ở châu Âu” đăng trong “Một loạt bài nghiên cứu về các khía cạnh quốc tế, pháp lý, thể chế và chính sách của sự phát triển đại dương - A Series of Studies on the International, Legal, Institutional, and Policy Aspect of Ocean Development” của tác giả David Langlet 2019. Published by Koninklijke Brill NV, Leiden, The Netherlands thì quản lý biển là các vấn đề về phân định biển. Biển là một hệ sinh thái lớn và để thực hiện hiệu quả các chức năng quản lý thì biển cần được chia thành nhiều cấp nhỏ hơn⁵.

Ở góc nhìn cách tiếp cận hệ sinh thái gắn liền với sự tương tác của đất và biển, tác giả Sue Kidd trong bài “Tương tác đất - biển và cách tiếp cận hệ sinh thái trong lập kế hoạch và quản trị đại dương - Land-Sea Interactions and the Ecosystem Approach in Ocean Planning and Governance” cho rằng, trong cách tiếp cận hệ sinh thái về bảo tồn tài nguyên sinh vật biển điều quan trọng là phải xem xét mối quan hệ tương tác giữa đất liền và biển và không được tách rời mối tương tác này. Tuy nhiên, trong thực tiễn bảo tồn tài nguyên sinh vật biển, các quốc gia không có một chiến lược áp dụng chung, một số quốc gia xem xét mối quan hệ tương tác đất - biển

là cần thiết, như: Anh, Phần Lan. Trong khi đó một số quốc gia lại quản lý đất, biển theo chiến lược riêng biệt, như: Hà Lan và Malta⁶.

Ba là, cách tiếp cận hệ sinh thái trong quy hoạch không gian biển và phát triển bền vững ở châu Âu.

Cách tiếp cận hệ sinh thái trong quy hoạch không gian biển - Marine Spatial Planning (MSP) đã được nhắc tới nhiều trong các văn kiện khu vực ở châu Âu, như: Marine Spatial Planning Directive (MSPD) - Chỉ thị về quy hoạch không gian biển, Chỉ thị Khung chiến lược biển châu Âu - EU Marine Strategy Framework Directive (MSFD). Và, hiểu thế nào là cách tiếp cận hệ sinh thái trong bảo tồn và quản lý tài nguyên biển, Lithuanian Baltic Sea Environmental Protection Strategy (2010) - Chiến lược bảo vệ môi trường biển Baltic của Litva nêu định nghĩa: “một phương pháp tổng hợp và toàn diện để quản lý các hoạt động của con người, dựa trên kiến thức mới nhất hiện có về các hệ sinh thái và sự thay đổi của chúng, nhằm xác định các tác động bất lợi đối với hệ sinh thái biển và thực hiện các biện pháp hiệu quả để giảm thiểu các tác động đó, bảo tồn tính toàn vẹn và bền vững của các hệ sinh thái”⁷.

Không chỉ ở Litva mà ở Ba Lan và Latvia cũng gắn cách tiếp cận hệ sinh thái với phát triển bền vững trong quy hoạch không gian biển. Phát triển bền vững luôn gắn liền với ba trụ cột là kinh tế, xã hội và môi trường. Để thực hiện hiệu quả phương pháp tiếp cận hệ sinh thái gắn với phát triển bền vững trong bảo tồn tài nguyên sinh vật biển cũng như quy hoạch không gian biển cần có sự hợp tác của nhiều bên liên quan. Theo đó, cách triển khai, áp dụng khác nhau ở mỗi quốc gia cũng sẽ cho kết quả không giống nhau. Ví dụ ở Litva, sự tham gia của các bên trong bảo tồn và quy hoạch không gian biển thiên về tăng trưởng xanh; trong khi ở Latvia lại hướng đến vấn đề giải quyết những vấn đề quan ngại về môi trường.

Bốn là, cách tiếp cận hệ sinh thái trong bảo vệ môi trường biển và vị trí của con người.

Cách tiếp cận hệ sinh thái trong bảo tồn tài nguyên sinh vật biển ngày càng đạt được sự quan tâm của loài người và đã được chính thức quy định ở các văn kiện pháp lý khu vực cũng như trên phạm vi toàn cầu bởi tính khoa học và tiến bộ của nó trong việc quản lý tổng thể, toàn diện về môi trường biển. Khác với cách tiếp cận theo loài cụ thể hay cách tiếp cận theo vùng còn nhiều hạn chế như đã chỉ ra ở phần trên. Trong Chỉ thị Khung chiến lược biển châu Âu - EU Marine Strategy Framework Directive (MSFD), tại khoản 1 Điều 1 đã đặt ra quy định yêu cầu các quốc gia châu Âu phải tìm mọi biện pháp thích hợp để đạt được và duy trì “một tình trạng môi trường biển tốt muộn nhất vào năm 2020”⁸. Nhìn chung cách tiếp cận dựa trên hệ sinh thái không chỉ là một chiến lược quản lý tài nguyên biển dựa trên yếu tố sinh thái biển duy nhất, mà còn tính đến những hoạt động của con người ở trên biển đã tác động đến hệ sinh thái, từ đó tính toán đến các tác động này khi đưa ra các quyết định quản lý.

Tương tự, trong hướng dẫn về cách tiếp cận hệ sinh thái của Công ước Đa dạng Sinh học 1992 - Convention of Biological Diversity cũng quy định: “Nhận thức rằng con người, với nền văn hóa phong phú và đa dạng là một thành phần không thể thiếu được trong nhiều hệ sinh thái”⁹. Quy định này cũng phản ánh một định nghĩa khác về cách tiếp cận hệ sinh thái: “Quản lý dựa trên hệ sinh thái là một cách tiếp cận tổng hợp để quản lý xem xét toàn bộ hệ sinh thái, bao gồm cả con người”¹⁰. Hoạt động của con người trên đại dương vô cùng đa dạng và phong phú, trong đó chủ yếu các hoạt động mang tính kinh tế. Mặc dù con người ý thức được rằng việc gây ô nhiễm môi trường biển và khai thác quá mức tài nguyên biển sẽ dẫn tới cạn kiệt tài nguyên. Nhưng với nhu cầu phát triển kinh tế, các nhà chính trị, các công ty

khai thác luôn tìm cách làm giảm nhẹ các quy định của luật pháp đối với các hành động có thể gây tác hại môi trường biển và bảo tồn tài nguyên sinh vật biển.

Năm là, cách tiếp cận hệ sinh thái, sự tham gia và phối hợp của cộng đồng xã hội.

Quản trị đại dương không phải là công việc của riêng cá nhân hay tổ chức trong một giới hạn phạm vi nhỏ mà đó là sự tham gia và hợp tác của cả cộng đồng xã hội rộng lớn. Bởi vì nó bao gồm nhiều chính sách hoạt động khác nhau từ vận tải biển, thủy sản, khai thác tài nguyên cho đến bảo vệ môi trường biển, năng lượng xanh hoặc các di sản văn hóa biển. Hơn nữa, quản trị đại dương thể hiện ở nhiều thang bậc trong việc đưa ra quyết định của các chủ thể khác nhau từ phạm vi quốc tế, khu vực và tiểu khu vực, bao gồm các quốc gia, các chính quyền địa phương, các tổ chức quốc tế, các công ty tư nhân, các tổ chức phi chính phủ, cộng đồng địa phương cũng như các cá nhân khác¹¹.

Năm 2014, Liên minh châu Âu (EU) đã thông qua chỉ thị về kế hoạch không gian biển - Marine Spatial Planning Directive (MSPD), theo đó, EU đã đưa ra định nghĩa về MSP rộng hơn, phù hợp với khung sáng kiến của UNESCO's 2006, chỉ thị quy định: “MSP là một quá trình mà các cơ quan có thẩm quyền của quốc gia thành viên có liên quan phân tích và tổ chức các hoạt động của con người trong các vùng biển để đạt được các mục tiêu sinh thái, kinh tế và xã hội”. Nội dung của chỉ thị quy định rõ thẩm quyền của các quốc gia thành viên EU và vị trí của họ trong quản trị đại dương quốc tế. MSP được coi là sự tiến bộ và cơ cấu hợp lý của sự tiến bộ của việc sử dụng các quyền được quy định bởi UNCLOS và là một công cụ hỗ trợ thiết thực các quốc gia tuân thủ các nghĩa vụ của họ. Đồng thời, qua đó cũng nói lên vai trò, cơ cấu của các tổ chức và các cơ chế phối hợp phù hợp nhất giữa các tổ chức đó trong bảo tồn và quản lý tài nguyên biển.

4. Những gợi mở về cách tiếp cận hệ sinh thái cho hệ thống pháp luật Việt Nam

Phương pháp tiếp cận hệ sinh thái ở Việt Nam cũng đã được biết đến từ vài thập kỷ trước, nhưng chủ yếu các nghiên cứu về phương pháp này là các công trình khoa học trong lĩnh vực chống biến đổi khí hậu, bảo tồn tài nguyên rừng nguyên sinh, bảo tồn đa dạng sinh học khu đất ngập mặn cũng như phát triển bền vững nền kinh tế. Vấn đề nghiên cứu và ứng dụng phương pháp tiếp cận hệ sinh thái trong quản lý biển và tài nguyên biển, đặc biệt là trong pháp luật biển Việt Nam, đến nay vẫn còn chưa được nghiên cứu và quy định cụ thể.

Với hệ thống pháp luật Việt Nam, phương pháp tiếp cận hệ sinh thái trong bảo tồn, khai thác tài nguyên sinh vật cũng đã được biết đến từ những năm gần đây, song áp dụng phương pháp này một cách chi tiết và hiệu quả thì đến nay vẫn còn là một phương pháp khá xa lạ, mới mẻ và nhiều ý kiến khác nhau. Cho dù vậy, pháp luật Việt Nam cũng đã có đề cập phương pháp tiếp cận hệ sinh thái trong một số quy định cụ thể. Khoản 2 Điều 5 *Luật Tài nguyên, môi trường, biển và hải đảo* năm 2015 về nguyên tắc quản lý tổng hợp tài nguyên biển và hải đảo có quy định về cách tiếp cận hệ sinh thái, như sau: “Quản lý tổng hợp tài nguyên biển và hải đảo phải dựa trên tiếp cận hệ sinh thái, bảo đảm tài nguyên biển và hải đảo được khai thác, sử dụng phù hợp với chức năng của từng khu vực biển và trong giới hạn chịu tải của môi trường, các hệ sinh thái biển, hải đảo”¹³. *Luật Thủy sản, Luật Đa dạng sinh học, Luật Bảo vệ môi trường* ở nước ta cũng chưa có quy định cụ thể về phương pháp tiếp cận hệ sinh thái.

Qua thực tiễn quản lý phân định biển cũng như quản lý, bảo tồn, khai thác tài nguyên sinh vật biển cho thấy, nhiều quốc gia trên thế giới, đặc biệt là các nước phát triển ở Tây Âu, Hoa Kỳ... đã có những ứng dụng về phương pháp tiếp cận hệ sinh thái

trong bảo tồn, khai thác tài nguyên biển và cho những kết quả tích cực và khả quan. Vì vậy, cần có nhiều công trình nghiên cứu và ứng dụng hơn nữa đối với phương pháp tiếp cận hệ sinh thái trong bảo tồn, khai thác tài nguyên sinh vật biển, cụ thể hóa bằng thể chế, các quy định pháp luật để các chủ thể bảo tồn và khai thác tài nguyên biển cũng như cả cộng đồng cùng hưởng ứng và thực hiện, nhằm mang lại những kết quả tốt đẹp cho nhu cầu phát triển nền kinh tế biển một cách bền vững.

5. Kết luận

Phương pháp tiếp cận hệ sinh thái là một trong những phương pháp dựa trên cơ sở khoa học hệ sinh thái dựa trên tương tác của cả ba yếu tố là đất, nước và con người. Ảnh hưởng của những tương tác ấy đối với đa dạng sinh học, với sự phát triển bền vững của các loài.

Cùng với sự phát triển của khoa học sinh thái, khoa học quản lý biển, khoa học kinh tế biển, thế giới đã cụ thể hóa phương pháp này trong việc ứng dụng vào phân định các vùng biển, đặc biệt là vùng đặc quyền kinh tế cũng như việc bảo tồn, khai thác tài nguyên biển và đã mang lại những kết quả rất khả quan. Một số quốc gia phát triển, như: Anh, Scotland, Cộng hòa Liên bang Đức, Hoa Kỳ... đã cụ thể hóa phương pháp tiếp cận hệ sinh thái vào các quy định pháp luật cụ thể ở các đạo luật của họ.

COP 2000 V/6 cũng đã phát triển và đưa ra 12 nguyên tắc liên quan đến cách áp dụng cách tiếp cận hệ sinh thái cho các quốc gia thành viên. Thế giới luôn nhận thức rằng, phát triển kinh tế phải đi đôi với phát triển xã hội và bảo vệ môi trường đó là cốt lõi của phát triển bền vững. Không những thế, ngày nay thế giới còn định hướng phát triển kinh tế toàn cầu theo mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế du lịch... nhằm đạt được mục tiêu bảo vệ môi trường và chống biến đổi khí hậu.

Đối với Việt Nam, việc nghiên cứu và ứng dụng phương pháp tiếp cận hệ sinh thái cũng đã được đề cập, nghiên cứu và ứng dụng từ những năm 90 thế kỷ XX, song chủ yếu là các công trình khoa học nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực biến đổi khí hậu, bảo tồn tài nguyên rừng, những vùng đất ngập mặn. Việc nghiên cứu ứng dụng phương pháp tiếp cận hệ sinh thái trong lĩnh vực quản lý tài nguyên sinh vật biển, đặc biệt là các quy định quy phạm pháp luật về phương pháp này vẫn chưa được quan tâm thích đáng. Cần có những nghiên cứu hệ thống về phương pháp này trong hoạt động bảo tồn, khai thác tài nguyên sinh vật biển và cụ thể hóa phương pháp tiếp cận hệ sinh thái bằng các quy định, các điều luật để các nhà quản lý biển, các nhà hoạch định chính sách và các chủ thể thực hiện các hoạt động liên quan đến bảo tồn, khai thác tài nguyên sinh vật biển hiểu rõ và tuân thủ để tất cả chung tay xây dựng và phát triển một nền kinh tế biển bền vững như Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045□

Chú thích:

1. David Langlet (2019). *The Ecosystem Approach in Ocean Planning and Government*, A Series of Studies on the International, Legal, Institutional, and Policy Aspect of Ocean Development. Published by Koninklijke Brill NV, Leiden, The Netherlands.
2. Yushifumi Tanaka (2011). *The Changing Approaches to Conservation of Marine Living Resources in International Law*. Heidelberg journal of international law, (©2011, Max-Planck-Institut für ausländisches öffentliches Recht und Völkerrecht).
3. United Nations Convention on Biological Diversity (CBD) (1992). *A strategy for the integrated management of land, water and living resources that promotes conservation and*

sustainable use in an equitable way.

4. David Langlet, Brita Bohman (2019). *The Ecosystem Approach as a basic for Managerial Compliance, An Example from Regulatory Development in the Baltic Sea Region.*
5. David Langlet, Aron Westholm (2019). *Delimiting Marine Areas: Ecosystem Approach(es?) in EU Marine Management.*
6. Sue Kidd (2019). *Land-Sea Interactions and the Ecosystem Approach in Ocean Planning and Governance.*
7. Michael Gilek, Fred Saunders and Igne Stalmokaite (2019), *The Ecosystem Approach and Sustainable Development in Baltic Sea Marine Spatial Planning: The Social Pillar, a 'Slow Train Coming.*
8. Kees Bastmeijer (2019). *The Ecosystem Approach for the Marine Environment and the Position of Humans: Lessons from the EU Natura 2000 Regime.*
9. UN Convention on Biological Diversity.
10. Kees Bastmeijer (2019). *"The Ecosystem Approach for the Marine Environment and the Position of Humans: Lessons from the EU Natura 2000 Regime.*
11. Antonia Zervaki (2019). *The Ecosystem Approach and Public Engagement in Ocean Governance: The Case of Maritime Spatial Planning.*
12. Quốc hội (2015). *Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015 (khoản 2 Điều 5).*

Tài liệu tham khảo:

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2018). *Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.*
2. Công ước Liên hiệp quốc về Luật Biển năm 1982.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Tập I. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật.*
4. Quốc hội (2015). *Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015.*